

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 15-01-2024.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đỗ Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Phú Chánh Thề.

2. Bà Phan Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 469/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 390/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Nguyễn Đỗ Duy P, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Số 314D, ấp P, xã B, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* chị Châu Thị Thanh T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: ấp K, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, anh P và chị T vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai, đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt, nguyên đơn là anh Nguyễn Đỗ Duy P trình bày:

Anh và chị Châu Thị Thanh T tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố T, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên tranh cãi. Anh chị mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn hạnh phúc gia đình nên anh chị không chung sống với nhau từ đầu năm 2023 cho tới nay. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với

chị T.

Về con chung, anh và chị T có 01 người con chung là Nguyễn Đỗ A, sinh ngày 23/02/2020. Hiện cháu An đang sống với chị T. Anh giao cháu An cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng cho con với mức cấp dưỡng hàng tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi đủ 18 tuổi.

Anh và chị T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh phải đi làm, không thể đến Tòa án tham gia vụ án được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn là chị Châu Thị Thanh T trình bày:

Chị và anh P kết hôn vào năm 2020. Anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố T, tỉnh Bến Tre vào ngày 02/01/2020. Sau khi kết hôn, chị và anh P chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 xảy ra mâu thuẫn với gia đình chồng ngày càng gay gắt, vợ chồng sống không hạnh phúc nên anh chị không chung sống với nhau từ đó cho đến nay. Do vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên với yêu cầu xin ly hôn của anh P, chị đồng ý.

Chị và anh P có 01 người con chung tên Nguyễn Đỗ A, sinh ngày 23/02/2020, hiện đang sống với chị. Cháu An được chị chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con.

Chị và anh P không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: nguyên đơn anh P đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn chị T không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Đỗ Duy P. Anh Nguyễn Đỗ Duy P được ly hôn với chị Châu Thị Thanh T.

- Về con chung: giao cháu Nguyễn Đỗ A, sinh ngày 23/02/2020 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến lúc 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận anh P tự nguyện cấp dưỡng cho cháu An 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu An đủ 18 tuổi.

Anh P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh P thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn Đỗ Duy P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn chị Châu Thị Thanh T. Chị T cư trú tại xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Anh Nguyễn Đỗ Duy P và chị Châu T Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh P và chị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh P và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 02 tháng 01 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố T, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, theo lời trình bày của anh P và chị T thì anh chị đã phát sinh mâu thuẫn nhưng không tự giải quyết được và anh chị không chung sống cùng nhau từ đầu năm 2023 cho đến nay. Thời gian qua anh chị không cải thiện được tình cảm vợ chồng để kéo dài đời sống chung. Đồng thời với yêu cầu xin ly hôn của anh P, chị T đồng ý.

Xét thấy, giữa anh P và chị T không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Bên cạnh đó, anh chị đã không chung sống với nhau trong thời gian dài. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của anh P và chị T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh P để giải quyết cho anh P được ly hôn với chị T.

[3] Về con chung: theo hồ sơ vụ án và lời trình bày của anh P, chị T thì anh chị có 01 người con chung là Nguyễn Đỗ A, sinh ngày 23/02/2020, hiện đang sống với chị T. Anh P đồng ý giao con chung cho T trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy, cháu An là con chung của anh P và chị T, hiện đang sống với chị T. Anh P giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chị T cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn. Như vậy, căn cứ vào quyền lợi mọi

mặt của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu An cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng cho con: anh P trình bày anh cấp dưỡng cho con với mức cấp dưỡng hàng tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng), tuy nhiên chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con.

Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị T có quyền yêu cầu anh P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu An. Do chị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: anh P và chị T trình bày anh chị không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh P, giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, về tài sản chung và nợ chung phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; riêng đề nghị ghi nhận anh P tự nguyện cấp dưỡng cho cháu An 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu An đủ 18 tuổi không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh P phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Đỗ Duy P. Anh Nguyễn Đỗ Duy P được ly hôn với chị Châu Thị Thanh T.

2. Về con chung: anh Nguyễn Đỗ Duy P và chị Châu Thị Thanh T có 01 người con chung là Nguyễn Đỗ A, sinh ngày 23/02/2020.

Giao cháu Nguyễn Đỗ A, sinh ngày 23/02/2020 cho chị Châu Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Ghi nhận việc chị Châu Thị Thanh T không yêu cầu anh Nguyễn Đỗ Duy P cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Đỗ A.

Anh Nguyễn Đỗ Duy P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận việc anh Nguyễn Đỗ Duy P và chị Châu Thị Thanh T cùng trình bày anh chị không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn Đỗ Duy P phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001645 ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Bình Phú, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Mộng Tuyền